TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tư do – Hạnh phúc**

Bản án: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 01 - 2023
V/v tranh chấp: "Hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.
2. Ông Huỳnh Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 488/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 502/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Di Linh, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số 40/16, khóm Mỹ Quới, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; có yêu cầu vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 24, ấp Long Phú 2, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Địa chỉ tạm trú: Số 40/16, khóm Mỹ Quới, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 31/10/2022; quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Di Ltrình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau; được sự chấp thuận của gia đình nên ông bà tổ chức lễ cưới vào tháng 5 năm 2010 dưới sự chứng kiến của cha mẹ hai bên. Sau đó đến ngày 04/6/2010, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 54/KH.MQ, Quyển số 01/2010 ngày 04/6/2010 của UBND phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Di Linh. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp; ông T thường xuyên xúc phạm bà. Mặc dù sống chung nhà nhưng ông bà không ai quan tâm lẫn nhau, vợ chồng không cùng nhau chăm lo và xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Ngọc Di Uyên, sinh ngày 06/01/2011. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ltrình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhận thấy tình cảm của bà dành cho ông T không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Về con chung, bà yêu cầu được quyền nuôi con chung; không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh T đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông T đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,

Nguyên đơn bà Lê Thị Di Lcó Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23/12/2022 với lý do bận công việc.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại Văn bản trình bày ý kiến của con chung Nguyễn Ngọc Di Uyên ngày 29/11/2022 có nội dung thể hiện nguyện vọng của cháu Uyên là mong muốn Tòa án xem xét cho cháu Uyên được tiếp tục chung sống với mẹ là bà Ltrong trường hợp Tòa án chấp nhận cho bà Lđược ly hôn ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị Di Lkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T và có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền nuôi con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình* -

Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Thanh T có nơi tạm trú tại số 40/16, khóm Mỹ Quới, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông T theo quy định tại Điều 171, Điều 175, Điều 177 và Điều 179 BLTTDS nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông T không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Bà Lcó yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Llà phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Lvà ông T.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Bà Lvà ông T tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau; được sự chấp thuận của gia đình nên ông bà tổ chức lễ cưới vào tháng 5 năm 2010 dưới sự chứng kiến của cha mẹ hai bên. Sau đó đến ngày 04/6/2010, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp; ông T thường xuyên xúc phạm bà. Mặc dù sống chung nhà nhưng ông bà không ai quan tâm lẫn nhau, vợ chồng không cùng nhau chăm lo và xây dựng hạnh phúc gia đình.

Chứng minh cho lời trình bày, bà Lcung cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 54/KH.MQ, Quyển số 01/2010 ngày 04/6/2010 của UBND phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Di Linh; Giấy khai sinh của con chung Nguyễn Ngọc Di Uyên, sinh ngày 06/01/2011. Như vậy, bà Lđã thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của BLTTDS. Ngược lại, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông T vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS. Do đó, lời trình bày và chứng cứ mà bà Lcung cấp là cơ sở để Tòa án xác định hôn nhân giữa bà Lvà ông T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận nhưng vì mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn làm cho vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau kể từ tháng 8 năm 2021 đến nay là có thật; cho thấy ông bà đã vi

phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Lcó yêu cầu được ly hôn ông T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Bà Lxác định quá trình chung sống, bà với ông T có một con chung tên Nguyễn Ngọc Di Uyên, sinh ngày 06/01/2011. Xét thấy, cháu Uyên đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường; điều này cho thấy bà Lcó đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Do đó, việc bà Lyêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung và hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì sau khi ly hôn, ông T vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Lkhông yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Ltrình bày không có; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lphải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lđã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000999, ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 91; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Di Lđược ly hôn với ông Nguyễn Thanh T

Giấy chứng nhận kết hôn số 54/KH.MQ, Quyển số 01/2010, ngày 04/6/2010 của UBND phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Di Lhết hiệu lực kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Lđược quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Ngọc Di Uyên, sinh ngày 06/01/2011 cho đến khi con chung thành niên, trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định pháp luật. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Lkhông yêu cầu.

Bà Lcùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cấm. Việc nuôi con chung không cố định. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lphải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000999, ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông T không phải chịu án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP Long Xuyên;
- CCTHADS TP Long Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.